

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/DS-ST

Ngày: 28-9-2020

"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa Lý.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Tuyền;

Ông Y Mung Niê.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2019/TLST-DS ngày 10/6/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/QĐXX-ST ngày 25/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Địa chỉ: 201-203 C M, Phường A, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh

- Đại diện theo ủy quyền khởi kiện của nguyên đơn: Ông Võ Anh T, Giám đốc Chi nhánh Đắk Lắk.

- Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn: Nguyễn Đức L, Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh Đắk Lắk.

Địa chỉ: 168 L, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Huy K và Bà Văn Thị L.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Ea Ngai, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/6/2020, bản tự khai cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đức L trình bày:

Ngày 03/8/2017, Ngân hàng TMCP N ký kết hợp đồng tín dụng số 1025/2017/502-CV với ông Phạm Huy K và Bà Văn Thị L, theo đó Ngân hàng TMCP

Nam Á cho ông K và bà L vay số tiền 1.470.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, ngày đến hạn 10/8/2018, lãi suất 11%/năm, lãi suất quá hạn 16.5%/năm. Mục đích khoản vay phục vụ sản xuất nông nghiệp. Để đảm bảo cho khoản vay ông K, bà L thế chấp cho Ngân hàng các quyền sử dụng đất sau: Quyền sử dụng đất số BP 499797 do UBND huyện Krông Búk cấp ngày 04-7-2014, thửa số 80, tờ bản đồ số 63; Quyền sử dụng đất số BE 719262 do UBND huyện K cấp ngày 13-9-2012, thửa số 53, tờ bản đồ số 63; Quyền sử dụng đất số BE 774684 do UBND huyện K cấp ngày 29-7-2013, thửa số 52, tờ bản đồ số 63, đều đứng tên ông Phạm Huy K và bà Văn Thị L. Trong quá trình vay vốn ông K, bà L đã trả được 82.996.603 đồng nợ lãi, sau đó không trả thêm được bất cứ khoản nào. Đến thời hạn trả nợ ông K, bà L không trả nợ cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc khách hàng trả nợ cũng như đưa ra các phương án để xem xét việc trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K, bà L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N tổng số tiền 2.024.461.449 đồng (Hai tỷ không trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc là 1.470.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bảy mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn 83.423.282 đồng (Tám mươi ba triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi hai đồng), lãi quá hạn và lãi chậm trả tính đến ngày 02/6/2020 là 471.038.167 đồng (Bốn trăm bảy mươi một triệu không trăm ba mươi tám nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng) và trả lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 03/6/2020 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp ông Phạm Huy K, bà Văn Thị L không trả nợ hoặc trả không đầy đủ khoản nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 0795/2017/502-BĐ ngày 03/8/2017, để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu tại hợp đồng thế chấp 0795/2017/502-BĐ ngày 03/8/2017, không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng N có quyền chỉ định bất cứ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của ông K, bà L để tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng.

Bi đơn bà Văn Thị L trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng số 1025/2017/502-CV, hiện nay vợ chồng còn nợ Ngân hàng TMCP N tổng số tiền 2.024.461.449 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.470.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 83.423.282 đồng, lãi quá hạn và lãi chậm trả tính đến ngày 02/6/2020 là 471.038.167 đồng, do vợ chồng tôi làm ăn kinh tế gặp nhiều khó khăn nên không thể trả được nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng TMCP N khởi kiện thì bà L đồng ý với khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết, tuy nhiên hiện nay chúng tôi không thể trả được nợ nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp vợ chồng tôi không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì tôi đồng ý để Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0795/2017/502-BĐ ngày 03/8/2017, để thu hồi nợ.

Trường hợp vợ chồng tôi trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng, thì yêu cầu Ngân hàng phải trả lại cho vợ chồng tôi tài sản đã thế chấp là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 499797 do UBND huyện K cấp ngày 04-7-2014, thửa số 80, tờ bản đồ số 63; Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 719262 do UBND huyện Krông Búk cấp ngày 13-9-2012, thửa số 53, tờ bản đồ số 63; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 774684 do UBND huyện K cấp ngày 29-7-2013, thửa số 52, tờ bản đồ số 63, đều đứng tên Phạm Huy K và Văn Thị L.

Bị đơn ông Phạm Huy K, thường xuyên vắng mặt tại địa phương và không đến Tòa án làm việc. Mặc dù đã được Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng ông Phạm Huy K vẫn vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình đối trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; đối với nguyên đơn và bị đơn bà Luyến đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Khôi không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết nội dung vụ án: Qua các chứng cứ đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả xét hỏi tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Phạm Huy K và bà Văn Thị L phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N tổng số tiền 2.024.461.449 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.470.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 83.423.282 đồng, lãi quá hạn và lãi chậm trả tính đến ngày 02/6/2020 là 471.038.167 đồng và trả lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 03/6/2020 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp ông Phạm Huy K và bà Văn Thị L không trả nợ hoặc trả không đầy đủ khoản nợ, thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 0795/2017/502-BĐ ngày 03/8/2017 để thu hồi nợ. Về án phí: Ông Phạm Huy K và bà Văn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là loại việc tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và loại việc tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Huy K đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án tiến hành niêm yết công khai các thủ tục tố tụng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Huy K.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Ngày 03/8/2017, ông K, bà L ký kết hợp đồng tín dụng số 1025/2017/502 - CV với Ngân hàng TMCP N, theo đó Ngân hàng TMCP N cho ông K, bà L vay số tiền 1.470.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, ngày đến hạn 10/8/2018, lãi suất 11%/năm, lãi suất quá hạn 16.5%/năm. Mục đích khoản vay phục vụ sản xuất nông nghiệp. Để đảm bảo cho khoản vay ông K và bà L thế chấp cho Ngân hàng các quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số 0795/2017/502-BĐ ngày 03/8/2017, gồm các quyền sử dụng đất sau: Quyền sử dụng đất số BP 499797 do UBND huyện K cấp ngày 04-7-2014, thửa số 80, tờ bản đồ số 63; Quyền sử dụng đất số BE 719262 do UBND huyện K cấp ngày 13-9-2012, thửa số 53, tờ bản đồ số 63; Quyền sử dụng đất số BE 774684 do UBND huyện K cấp ngày 29-7-2013, thửa số 52, tờ bản đồ số 63, đều đứng tên ông Phạm Huy K và bà Văn Thị L.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông K, bà L đã trả cho Ngân hàng số tiền 82.996.603 đồng nợ lãi, sau đó mặc dù khoản nợ đã đến hạn nhưng ông K, bà L không trả thêm được khoản nào. Thấy rằng, việc các bên ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đến thời hạn trả nợ theo thỏa thuận ông K, bà L không trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện. Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N: Buộc bị đơn ông Phạm Huy K và bà Văn Thị L phải trả cho Ngân hàng TMCP N tổng số tiền 2.024.461.449 đồng (Hai tỷ không trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc là 1.470.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bảy mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn 83.423.282 đồng (Tám mươi ba triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi hai đồng), lãi quá hạn và lãi chậm trả tính đến ngày 02/6/2020 là 471.038.167 đồng (Bốn trăm bảy mươi một triệu không trăm ba mươi tám nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng) và trả lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 03/6/2020 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp ông Phạm Huy K, bà Văn Thị L không trả nợ hoặc trả không đầy đủ khoản nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 0795/2017/502-BĐ ngày 03/8/2017, để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu tại hợp đồng thế chấp 0795/2017/502-BĐ ngày 03/8/2017, không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng TMCP N có quyền chỉ định bất cứ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của ông K, bà L để tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông K, bà L trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng phải trả lại cho ông K, bà L: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 499797 do UBND huyện K cấp ngày 04-7-2014, thửa số 80, tờ bản đồ số 63; Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số BE 719262 do UBND huyện K cấp ngày 13-9-2012, thửa số 53, tờ bản đồ số 63; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 774684 do UBND huyện K cấp ngày 29-7-2013, thửa số 52, tờ bản đồ số 63, đều đứng tên ông Phạm Huy K và bà Văn Thị L.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chi án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn ông Phạm Huy K và bà Văn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91; khoản 3 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 1 điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N .

Về khoản nợ và nghĩa vụ trả nợ: Buộc ông Phạm Huy K và bà Văn Thị L phải trả cho Ngân hàng TMCP N tổng số tiền 2.024.461.449 đồng (*Hai tỷ không trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng*), trong đó: Nợ gốc là 1.470.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm bảy mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn 83.423.282 đồng (*Tám mươi ba triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi hai đồng*), lãi quá hạn và lãi chậm trả tính đến ngày 02/6/2020 là 471.038.167 đồng (*Bốn trăm bảy mươi một triệu không trăm ba mươi tám nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng*) và trả lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 03/6/2020 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng số 1025/2017/502 - CV.

Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Phạm Huy K, bà Văn Thị L không trả nợ hoặc trả không đầy đủ khoản nợ thì Ngân hàng TMCP N được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 0795/2017/502-BĐ ngày 03/8/2017, gồm các quyền sử dụng đất sau: Quyền sử dụng đất số BP 499797 do UBND huyện K cấp ngày 04-7-2014, thửa số 80, tờ bản đồ số 63; Quyền sử dụng đất số BE 719262 do UBND huyện K cấp ngày 13-9-2012, thửa số 53, tờ bản đồ số 63; Quyền sử dụng đất số BE 774684 do UBND huyện K cấp ngày 29-7-2013, thửa số 52, tờ bản đồ số 63, đều đứng tên Phạm Huy K và Văn Thị L, để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu tại hợp đồng thế chấp 0795/2017/502-BĐ ngày 03/8/2017, không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng TMCP N có quyền chỉ định bất cứ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của ông K, bà L để tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông K, bà L trả nợ đầy đủ khoản nợ, thì Ngân hàng TMCP N phải trả lại cho ông K, bà L các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 499797 do UBND huyện K cấp ngày 04-7-2014, thửa số 80, tờ bản đồ số 63; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 719262 do UBND huyện K cấp ngày 13-9-2012, thửa số 53, tờ bản đồ

số 63; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 774684 do UBND huyện K cấp ngày 29-7-2013, thửa số 52, tờ bản đồ số 63, đều đứng tên ông Phạm Huy K và bà Văn Thị L.

- Về án phí: Buộc ông Phạm Huy K và bà Văn Thị L phải chịu 72.489.000 đồng (*Bảy mươi hai triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.245.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2019/0006608 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Krông Buk;
- Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hs-vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Hoa Lý